BẢNG GIÁ TỪ NGÀY 01/01/2024

1. Bảng giá theo số lượng hóa đơn:

Loại hình kinh doanh	Số lượng hóa đơn	
Thương mại; Dịch vụ	Không phát sinh	500.000
	1-10 hóa đơn	1.200.000
	11-20 hóa đơn	1.600.000
	21-30 hóa đơn	2.000.000
	Thêm 30.000đ cho mỗi hóa đơn tăng thêm từ 31 hóa đơn trở lên	
Sản xuất; Gia công; Nhà hàng ; Hoạt động XNK; Xây Dựng có hợp đồng thi công bao thầu NVL + không bao thầu NVL	Không phát sinh	500.000
	1-10 hóa đơn	1.600.000
	11-20 hóa đơn	2.000.000
	21-30 hóa đơn	2.400.000
	Thêm 30.000đ cho mỗi hóa đơn tăng thêm từ 31 hóa đơn trở lên	

Lưu ý:

- Số lượng hóa đơn phát sinh theo biểu phí = số lượng hóa đơn đầu vào + số lượng hóa đơn đầu ra
- Phụ thu chi phí giải trình hồ sơ thuế (như bị đóng MST do ko treo bảng hiệu, chậm nộp tờ khai, nợ thuế,…), hồ sơ giải thể, quyết toán: (Báo giá sau khi khảo sát thực tế, tối thiểu 500.000đ)
- Giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%
- Phí làm quyết toán cuối năm (Báo cáo tài chính) bằng bình quân tiền phí dịch vụ phát sinh trong năm
- Phí hỗ trợ làm lại sổ sách (nếu có) bằng 80% phí dịch vụ hàng tháng